

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2023/HS-PT

Ngày 12/12/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Ông Nguyễn Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 163/2023/TLPT-HS ngày 23 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Lê Quang B và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2023/HS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Lê Quang B (tên gọi khác: S), sinh ngày 21/01/2005 (tính đến ngày phạm tội 03/6/2022, bị cáo được 17 năm 04 tháng 13 ngày tuổi). Nơi sinh: huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng H và bà Nguyễn Thị H1; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

2. Lê Văn T, sinh ngày 05/11/2005 (tính đến ngày phạm tội 03/6/2022, bị cáo được 16 năm 06 tháng 14 ngày tuổi). Nơi sinh: huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương; ; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Lê Văn Đ và bà Bùi Thị N; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

3. Nguyễn Văn T1, sinh ngày 14/4/2004. Nơi cư trú: Thôn D, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 và bà Ngô Thị Á; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T: Bà Nguyễn Thị C, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 5 năm 2022, Nguyễn Xuân B1 nói chuyện với Lê Quang B về việc trước đó bị một nhóm thanh niên đánh ở khu vực Q thuộc thị trấn P, huyện K. Xuân B1 nghi ngờ nhóm của Chiến V ở xã L, huyện K. Sau khi nghe Xuân B1 nói vậy, Quang B bảo: *để anh tính*. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 02/6/2022, Quang B nhắn tin cho Xuân B1 qua ứng dụng M bảo Xuân B1 chuẩn bị đồ để tối hôm sau đi tìm nhóm Chiến V đánh nhau. Xuân B1 đồng ý. Sáng ngày 03/6/2022, Xuân B1 gọi điện thoại cho Quang B nói không mua được dao bầu. Quang B bảo Xuân B1 đưa tiền cho Quang B mua hộ. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Xuân B1 cùng Nguyễn Hồng Q đến đưa tiền cho Quang B. Cả ba đi đến cửa hàng T5 ở thôn N, xã Đ huyện K mua 02 con dao bầu.

Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Phạm Nguyễn Thế V1 điều khiển xe máy chở Phạm Đình T3 (cùng thôn) đến nhà X chơi. Xuân B1 đưa cho Đình T3 30.000 đồng nhờ đi mua xăng hộ. Đình T3 cầm tiền đi mua xăng đem về nhà Xuân B1. Xuân B1 lấy 04 vỏ chai thủy tinh, loại chai nước ngọt Sting đổ xăng vào rồi dùng giẻ nhét vào miệng chai làm “bom xăng”.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, Xuân B1 nhắn tin cho Quang B: *không có tuýp sắt*. Quang B bảo: *đến anh đưa cho*. V1 điều khiển xe máy chở Xuân B1 và Đình T3 đến nhà Quang B lấy 02 thanh tuýp kim loại dài 02 mét, đường kính 2,1cm. Xuân B1 thông tin Facebook của Ngô Văn Y để liên hệ hàn thanh tuýp kim loại vào dao bầu (làm phóng lộn) và bảo Ngô Văn Y: *Tối khi nào anh nhắn thì đi*. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, V1 điều khiển xe máy chở Xuân B1 đem theo 02 con dao bầu và 02 thanh tuýp kim loại đến nhà Y để Y hàn dao vào thanh tuýp làm phóng lộn. V1 chở Xuân B1 cầm theo hai phóng lộn về nhà B1.

Buổi chiều cùng ngày, Quang B gọi điện thoại rủ Y, T1, Á, D tối tập trung ở đê thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng (giáp với xã T, huyện K) để đi

đánh nhau. Mọi người đều đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Quang B nhắn tin cho Xuân B1 bảo ra dê thôn T. Quang B gọi điện cho Vũ Đức T4 rủ đi đánh nhau, T4 đồng ý. Khoảng 30 phút sau, Quang B đi bộ đến nhà anh Lương Tuấn K (cùng thôn) nhưng anh K không có nhà, Quang B đứng ở ngoài đường. Lúc này, Phạm Đức H2 cũng đến chơi. Quang B gọi điện thoại cho Lê Văn T và Quán Trọng B2 đến nhà anh K chơi. Khi T, B2 đến, Quang B rủ đi đánh nhau, tất cả đều đồng ý.

Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Xuân B1 nhắn tin cho Đình T3: “đi đi”, Đình T3 nhắn tin cho V1 đến đón. V1 điều khiển xe máy đến đón Đình T3, Xuân B1 đi đến dê thôn T. Khi đi, Đình T3 điều khiển xe máy chở V1 ngồi giữa cầm theo 04 bom xăng, Xuân B1 ngồi sau cầm theo 02 phóng lộn. Đình T3 chở Xuân B1 và V1 đến dê thôn T thì chưa có ai đến. Xuân B1 nhận được tin nhắn của Quang B bảo đến nhà K đón Quang B. Xuân B1 bảo Đình T3 đi đón Quang B còn Xuân B1 và V1 đứng đợi. Xuân B1 cầm 02 phóng lộn và 04 bom xăng giấu vào một bụi cỏ ven đường. Đình T3 điều khiển xe đến đón Quang B và Văn T đi trước.

Khi Xuân B1 và V1 đang đứng ở dê thì Á điều khiển xe máy (mượn của bà Lê Thị H3) chở D, T1 và Y mỗi người điều khiển một xe máy đi đến. Một lúc sau thì Đình T3 điều khiển xe máy chở Quang B và Văn T, T4 điều khiển xe máy chở B2 và H2 đến.

Quang B nói: *Đi đến quảng trường, đi qua khu đất mới của xã Đ.* Tất cả mọi người đều hiểu là đến đó để đánh nhau. Quang B lấy 02 phóng lộn, đưa cho Văn T cầm 01 phóng lộn. Quang B cầm 01 phóng lộn. D lấy 03 chai bom xăng đem treo ở móc giữa xe máy và cầm ở tay 01 chai. Quang B đưa cho D cầm 01 bật lửa khò. Á điều khiển xe chở Quang B ngồi ở giữa cầm phóng lộn, D ngồi sau cầm 01 bom xăng. T1 điều khiển xe chở V1. T4 điều khiển xe chở H2 và B2. Xuân B1 điều khiển xe chở Đình T3 ngồi giữa và Văn T ngồi sau cầm phóng lộn. Y điều khiển xe đi một mình. Khi đi đến khu đất mới xã Đ, huyện K, nhóm của Quang B phát hiện thấy một nhóm thanh niên khoảng 30 người đang đứng chơi ở đó. Lúc này, có 02 đến 03 xe mô tô đi từ trong khu đất mới về hướng của nhóm Q1. Xuân B1 nghĩ đó là người của Chiến Văn đ đánh, thấy chênh lệch lực lượng nên Xuân B1 hô: *chạy*. Cả nhóm của Xuân B1 điều khiển xe máy phóng nhanh, bỏ chạy về phía trung tâm xã Đ. Ánh điều khiển chở Quang B và D cùng xe máy do Y điều khiển chạy vào khu vực đường bê tông ra cánh đồng, đoạn gần nhà thờ xã Đ. T4 điều khiển chở H2 và B2 đi đến xã N. T1 điều khiển chở V1, Xuân B1 điều khiển chở Đình T3, Văn T chạy vào gần UBND xã L. Văn T và T4 dùng điện thoại gọi cho Quang B, Quang B nói tập trung tại đường bê tông lối ra cánh đồng đường đi nhà thờ xã Đ. Lúc này, do T4 mệt, B2 điều khiển xe chở T4 và H2. Khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày, cả nhóm 12 người tập trung lại ở đường bê tông gần nhà thờ Đ1. Xuân B1 nói: *quay lại ném bom xăng bọn kia rồi chạy*, tất cả đều đồng ý. Xuân B1 điều khiển xe chở Đình T3 ngồi giữa, V1 ngồi sau cầm phóng lộn để xong việc đi

về nhà cho tiện. Văn T sang ngồi phía sau xe máy T1 điều khiển. D thấy 03 quả bom xăng vất ở mương nước cạnh đường bê tông, chỉ đem theo 01 quả bom xăng. Cả nhóm 12 người di chuyển trên 5 xe máy ra đường Quốc lộ 17B chạy nhanh vượt nhau, lạng lách, đánh võng. Khi các xe bắt đầu rẽ ra đường Q thì gặp 01 xe máy do chiến sỹ công an xã Đ điều khiển đi tuần tra theo hướng ngược chiều (trên xe có 02 chiến sỹ công an). Phát hiện thấy nhóm của Quang B, hai chiến sỹ công an điều khiển xe máy quay lại bám theo. D thấy xe của lực lượng Công an đi phía sau thì hô: *Công an kìa*. Mục đích để báo cho mọi người trong nhóm biết biết và bỏ chạy. Cả 5 xe máy bỏ chạy dọc theo tuyến đường Q thuộc địa phận thị tứ Đ, xã Đ về hướng Hải Phòng. Trên đường bỏ chạy, các xe lạng lách đánh võng, phóng nhanh với tốc độ khoảng 70km/giờ, bấm còi inh ỏi. D hô: *anh em chạy trước đi, tôi đi sau*. Các xe vượt lên trước còn xe Á điều khiển xe chở D, Quang B đi sau cùng. Quá trình chạy trên đường, Quang B kéo lê phóng lộn xuống dưới mặt đường gây tiếng động và tóe thành tia lửa phát sáng. Khi ra đến gần ngã tư xã Đ, D châm lửa vào quả bom xăng rồi ném ra gần rìa đường làm chai xăng vỡ và bốc cháy. Sau đó, Xuân B1 điều khiển xe chở Đình T3 và V1 đi về xã K, Xuân B1 đem 01 phóng lộn về cất giấu phía sau nhà. T1 điều khiển xe chở Văn T đến gần UBND xã T để Văn T đi bộ về nhà. T1 và Y điều khiển xe đi thẳng về nhà; Á điều khiển xe chở D và Quang B đến khu mộ cạnh trường tiểu học xã A, huyện A để D xuống xe đi bộ về. Á chở Quang B về. Trên đường về, Q đã ném phóng lộn ở khu vực đường thuộc thôn N, xã Đ.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 57/2023/HS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Quang B, Nguyễn Văn T1, Lê Văn T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Quang B 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 21 (hai mươi một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo khác, về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Lê Quang B và Nguyễn Văn T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Lê Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị được hưởng án treo.

Tại phiên tòa các bị cáo Lê Quang B và Lê Văn T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo Nguyễn Văn T1 bổ sung nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương sau khi phân tích, đánh giá hành vi của các bị cáo đã có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo B, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 57/2023/HS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Quang B. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Văn T1, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 57/2023/HS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành về phần hình phạt đối với bị cáo T và bị cáo T1 cụ thể như sau:

+ Tuyên bố: Các bị cáo Lê Quang B, Nguyễn Văn T1, Lê Văn T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

+ Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Quang B 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

+ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 21 (hai mươi một) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 42 (Bốn mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

+ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương; giao bị cáo Nguyễn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án

hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Bị cáo Lê Quang B phải chịu 200.000 đồng án phí HSPT. Bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T trình bày: Nhất trí về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm và đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, chưa phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, nhận thức pháp luật hạn chế. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo T và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 03/6/2022, tại đường Q thuộc thị tứ Đ, xã Đ, huyện K, L, Nguyễn Thế D1, Nguyễn Văn Á1, Lê Văn T, Quán Trọng B2, Nguyễn Văn T1, Ngô Văn Y, Vũ Đức T4 và Phạm Đức H2 có hành vi điều khiển xe máy lạng lách, phóng nhanh, bấm còi inh ỏi, kéo lê phóng lộn xuống dưới mặt đường gây tiếng động và tóe thành tia lửa phát sáng, đốt bom xăng ném xuống đường làm chai xăng vỡ và bốc cháy gây náo loạn nơi công cộng, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b, d khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Quang B; điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Văn T1 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều xác định tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp. Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị về tội danh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Trong vụ án này bị cáo Lê Quang B là người rủ rê, xúi giục các bị cáo đi đánh nhau; thống nhất với Xuân B1 làm bom xăng và phóng lộn; đưa phóng lộn cho T; kéo lê phóng lộn xuống dưới mặt đường tạo tiếng động và tia lửa nên giữ vai trò thứ nhất. Bị cáo Lê Văn T cầm theo phóng lộn, bị cáo Nguyễn Văn T1 điều khiển xe máy phóng nhanh, lạng lách, bấm còi inh ỏi nên đều là người thực hành tích cực trong vụ án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo T tích cực ủng hộ phong trào tại địa phương nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cho các bị cáo là phù hợp.

Các bị cáo Lê Quang B và Lê Văn T khi thực hiện hành vi phạm tội đều chưa đủ 18 tuổi. Cấp sơ thẩm đã áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là phù hợp với quy định tại Điều 91 Bộ luật hình sự.

Bị cáo B kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo T và bị cáo T1 tiếp tục thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo xuất trình thêm căn cứ đã nộp án phí sơ thẩm và phiếu thu ủng hộ các quỹ của địa phương thể hiện ý thức chấp hành pháp luật nên cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo. Bị cáo T, bị cáo T1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 15/5/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 57/2023/HS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành đối với các bị cáo Lê Quang B. Áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T và Nguyễn Văn T1, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 57/2023/HS-ST ngày 25/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với bị cáo T, bị cáo T1

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo B không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định. Kháng cáo của bị cáo T và T1 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Quang B.

Chấp nhận kháng cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Văn T và bị cáo Nguyễn Văn T1.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Quang B, Lê Văn T, Nguyễn Văn T1 phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

- Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Quang B 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bắt tạm giam bị cáo tại phiên tòa để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 21 (hai mươi một) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 42 (Bốn mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 30 (ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương; giao bị cáo Nguyễn Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng

án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Quang B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án 12/12/2023./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Vụ GDKT1 - TANDTC;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND, VKSND, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- CQHSNV Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- CQTHAHS Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, lưu VP, lưu Tòa GD&NCT.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường